VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH UBND TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 46/2025/QĐ-CTUBND	*Tây Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6251/TTr-STC ngày 03 tháng 11 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục KTrVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII;
- Phòng: VHXH, KTTC;
- Lưu: VT, Quoc.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

CHỦ TỊCH UBND
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2025/QĐ-CTUBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này ban hành phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6; khoản 3 Điều 10; Điều 11; khoản 3, khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 6 Điều 14; khoản 3 Điều 17; điểm d khoản 1 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 22; khoản 2 Điều 28; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 34; điểm b khoản 2 Điều 46; khoản 3 Điều 47; điểm b khoản 6 Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 57; điểm b khoản 2 Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 59; khoản 1 Điều 60; khoản 2 Điều 61; khoản 2 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 93; điểm a khoản 2 Điều 94 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (viết tắt Nghị định 186/2025/NĐ-CP).

Những nội dung thẩm quyền quyết định không được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị);

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Giao tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại.

b) Giao tài sản công do UBND tỉnh đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định (trừ khoản 1 Điều này):

Giao tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã) quyết định (trừ điểm khoản 1, khoản 2 Điều này):

Giao tài sản công do cấp xã đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc cơ quan mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác (không phải là máy móc, thiết bị tại Điều 4, không là nhà ở công vụ, xe ô tô)

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại điểm d, đ, g, h Khoản 1 Điều 14; điểm d, đ, g, h Khoản 1, điểm b Khoản 3, điểm b Khoản 9 Điều 50 Nghị định 186/2025/NĐ-CP (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên)

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ

quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại.

b) Thu hồi tài sản công do UBND tỉnh đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý đã giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý *(trừ tài sản tại khoản 1 Điều này)* theo đề nghị của các cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý *(trừ tài sản tại khoản 1 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp xã)* theo đề nghị của các cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

Điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) quyết định điều chuyển tài sản công *(trừ khoản 1 Điều này)* giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã; giữa cấp xã với cấp xã.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công

(trừ khoản 1 Điều này) giữa cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công *(trừ khoản 1Điều này)* giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán xe ô tô.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập là tài sản cố định có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản)* thuộc phạm vi quản lý (*trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các công trình xây dựng gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô các loại).*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý *(trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các công trình xây dựng gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô các loại).*

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý xe ô tô.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản)* thuộc phạm vi quản lý *(trừ khoản 1 Điều này).*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý *(trừ khoản 1 Điều này).*

Điều 11. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa, thanh lý tài sản công

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa, thanh lý tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa, thanh lý tài sản tại đơn vị mình và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên*

và chi đầu tư, trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập là tài sản cố định có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (*trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* được giao quản lý, sử dụng thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do nguyên nhân khác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô (nếu có) tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công của đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc *(trừ tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô).*

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập *(trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)* để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc *(trừ tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô).*

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô (nếu có) tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với tài sản công của đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc *(trừ tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô).*

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc *(trừ tài sản công là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô).*

Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản trong quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước tại khoản 2 Điều 91 và tại điểm b khoản 2 Điều 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án sử dụng vốn nhà nước tại khoản 2 Điều 91 và tại điểm b khoản 2 Điều 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thực hiện theo nội dung thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được quy định tại Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13 Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án

Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án thực hiện theo nội dung thẩm quyền được quy định tại Điều 11 Quy định này

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành vẫn chưa hoàn thành việc thực hiện được tiếp tục thực hiện, không phải trình phê duyệt lại.

Đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được phê duyệt và đang thực hiện nhưng sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành có nội dung cần thay đổi so với nội dung đã được phê duyệt thì việc trình phê duyệt lại hoặc phê duyệt điều chỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này./.